

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2024

V/v ly hôn giữa Bà L và Ông Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Kim Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Quang Chung

Bà Trần Thị Mai

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 551/2023/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Tuyết L, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số 3/14/73 đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số 3/14/73 đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày **20-6-2023**, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là Bà Trịnh Tuyết L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và Ông Nguyễn Quang Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu khoảng vài tháng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định năm 1985. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Ông Đ không chăm lo kinh tế gia đình, ngoài ra thường xuyên lăng mạ, chửi bới, xúc phạm bà. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng nên mặc dù vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Năm 2003, Bà L đã nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng vì các con còn nhỏ, kinh tế chưa ổn định nên bà đã rút đơn. Nay Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân với Ông Đ không đạt được nên Bà L có nguyện vọng xin được ly hôn với Ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Quang, sinh năm 1986 (giới tính: Nam) và Nguyễn Thị Bích Ngọc, sinh năm 1988 (giới tính: Nữ). Hiện nay các con đều đã trưởng thành tự lập nên Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Bà L xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do có tình hình sức khỏe nên ngày 04-02-2024 Bà Trịnh Tuyết L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-01-2024, trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn là Ông Nguyễn Quang Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà Trịnh Tuyết L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào năm 1985. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn gì và vẫn đang chung sống cùng nhau. Nay Bà L xin ly hôn, Ông Đ không đồng ý ly hôn vì hiện nay vợ chồng đều đã cao tuổi và Ông Đ không muốn gia đình tan nát.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Quang, sinh năm 1986 (giới tính: Nam) và Nguyễn Thị Bích Ngọc, sinh năm 1988 (giới tính: Nữ). Hiện nay các con đều đã trưởng thành tự lập nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 11-01-2024 tại tổ dân phố số 3 phường Trần Đăng Ninh nơi Bà L và Ông Đ sinh sống xác nhận: Quá trình chung sống của Bà L và Ông Đ có phát sinh mâu thuẫn còn nguyên nhân cụ thể như thế nào địa phương không nắm rõ. Về con chung: Vợ chồng Bà L và Ông Đ có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Quang, sinh năm 1986 (giới tính: Nam) và Nguyễn Thị Bích Ngọc, sinh năm 1988 (giới tính: Nữ). Hiện nay các con của Bà L và Ông Đ đều đã trưởng thành tự lập.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã đến Tòa án trình bày lời khai và tham gia hòa giải, tuy nhiên 02 lần vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Như vậy bị đơn đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa Bà Trịnh Tuyết L và Ông Nguyễn Quang Đ đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa Bà L và Ông Đ. Về con chung: Vợ chồng Bà L và Ông Đ có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Quang, sinh năm 1986 (giới tính: Nam) và Nguyễn Thị Bích Ngọc, sinh năm 1988 (giới tính: Nữ). Hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành tự lập, Bà L và Ông Đ đều không yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Về tài sản chung và vay nợ chung: Bà L và Ông Đ không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn Bà Trịnh Tuyết L là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí ly hôn cho Bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là Bà Trịnh Tuyết L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là Ông Nguyễn Quang Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Tuyết L và Ông Nguyễn Quang Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định năm 1985 nên hôn nhân giữa Bà L và Ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo Bà L trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống; không cùng nhau chăm lo kinh tế gia đình; không tôn trọng nhau. Mặc dù vẫn sống cùng nhà nhưng vợ chồng đã ly thân từ năm 2000 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng được ly hôn với Ông Đ. Theo Ông Đ trình bày thì vợ chồng vẫn hòa thuận không xảy ra mâu thuẫn gì, vẫn sống cùng nhà mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không tham gia phiên tòa thể hiện Ông Đ không có thiện chí hoà giải mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà L và Ông Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa Bà L và Ông Đ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc nuôi con: Hiện tại các con chung đều đã trưởng thành, tự lập nên Bà L và Ông Đ không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Bà L và Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Tuyết L là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí. Tuy nhiên do Bà L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho Bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa Bà Trịnh Tuyết L và Ông Nguyễn Quang Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Tuyết L được miễn toàn bộ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trịnh Tuyết L và Ông Nguyễn Quang Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Nam Định (ĐKKH ngày 12-3-1985);
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THA dân sự thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Lương Thị Kim Huế

